TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ- TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Tuyền.

Bà Ngô Hồng Điệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Trần Tấn Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 27 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày: Ông và bà Ngô Thị L tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện CĐ ngày 28/11/2002, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 198/2002, quyển số 02/2002. Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Ngọc Minh Tr sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 13/01/2004, anh Tr và anh T1 đã thành niên và đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã đi làm.

Cuộc sống vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2015 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị L. Các con chung đã thành niên

và đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị L vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Phước T và bà Ngô Thị L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã PT, huyện CĐ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 198/2002, quyển số 02/2002 ngày 28/11/2002 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Bà Ngô Thị L là bị đơn, hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã PT, huyện CĐ nên khi ông T có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn bà Ngô Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà L, theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng là bất đồng về tư tưởng, lối sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2015 đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Đồng thời, bà L vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày cho thấy bà L không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông T và bà bà L không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Phước T là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà L hai con chung là Nguyễn Ngọc Minh Tr sinh ngày 25/11/2001 và Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 13/01/2004; anh Tr và anh T1 đã thành niên và đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Tòa án không xem xét giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T đối với bị đơn bà Ngô Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước T được ly hôn với bà Ngô Thị L.

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0005806 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, tỉnh Long An, ông T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Phước T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Ngô Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám